



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014**



Tháng 8 năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08 - 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lai	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Lớ	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Số: 126/2014/BCTC-VA

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/08/2014, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Quốc Trị
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0581-2013-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Trần Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0487-2013-055-1

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		287.749.629.659	254.205.924.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		36.669.960.260	42.202.454.841
1. Tiền	111	5	36.669.960.260	42.202.454.841
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.042.739.632	66.742.436.830
1. Phải thu khách hàng	131		66.103.724.931	61.585.139.743
2. Trả trước cho người bán	132		4.226.258.831	4.982.449.909
5. Các khoản phải thu khác	135	6	1.537.956.946	490.574.098
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(825.201.076)	(315.726.920)
IV. Hàng tồn kho	140	8	174.018.112.808	138.655.423.938
1. Hàng tồn kho	141		174.018.112.808	138.655.423.938
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.018.816.959	6.605.608.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		284.621.326	77.865.868
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.205.336.072	440.382.567
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	79.810.457	107.583.358
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	4.449.049.104	5.979.777.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		68.404.470.549	70.573.981.421
II. Tài sản cố định	220		57.639.741.935	60.895.419.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	57.639.741.935	58.895.419.348
- Nguyên giá	222		200.962.124.191	198.890.059.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.322.382.256)	(139.994.639.804)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	2.000.000.000
- Nguyên giá	228		-	2.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.431.164.245	5.661.065.579
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	3.773.686.245	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	3.657.478.000	6.945.043.579
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(1.283.978.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.333.564.369	4.017.496.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.005.189.839	3.844.724.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	318.374.530	101.371.955
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	71.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		356.154.100.208	324.779.906.023

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 – DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		188.705.796.287	156.878.785.545
I. Nợ ngắn hạn	310		186.645.892.651	155.623.985.545
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	120.887.346.471	102.094.746.600
2. Phải trả người bán	312		38.362.232.312	38.449.915.609
3. Người mua trả tiền trước	313		11.495.148.544	354.342.959
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	3.392.984.806	5.400.554.589
5. Phải trả người lao động	315		6.272.070.088	3.121.332.322
6. Chi phí phải trả	316	19	281.870.654	298.472.674
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	4.909.515.833	5.074.918.015
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.044.723.943	829.702.777
II. Nợ dài hạn	330		2.059.903.636	1.254.800.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	21	1.527.900.000	1.254.800.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		532.003.636	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		140.748.496.062	142.195.573.849
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	140.748.496.062	142.195.573.849
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		62.826.020.000	62.826.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.335.312.000	29.335.312.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		23.858.927.106	21.004.838.183
4. Cổ phiếu quỹ	414		(15.130.000)	(15.130.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		89.249.865	89.249.865
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.813.117.267	5.570.244.662
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.840.999.824	23.385.039.139
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	26.699.807.859	25.705.546.629
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		356.154.100.208	324.779.906.023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại USD		26.227,38	46.857,69

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu



Hoàng Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuế

Tổng Giám đốc




Lê Văn Lớ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 02 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	406.228.785.516	346.184.233.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.657.043.206	589.616.184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	404.571.742.310	345.594.617.314
4. Giá vốn hàng bán	11	25	341.270.015.433	296.178.643.169
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		63.301.726.877	49.415.974.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.273.907.317	2.092.249.221
7. Chi phí tài chính	22	27	3.087.821.721	5.084.173.710
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.029.731.531	5.084.173.710
8. Chi phí bán hàng	24		20.159.392.933	20.366.720.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.332.869.929	14.781.917.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		21.995.549.611	11.275.411.659
11. Thu nhập khác	31		1.255.940.992	65.454.546
12. Chi phí khác	32		179.215	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	1.255.761.777	65.454.546
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		32.275.514	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		23.283.586.902	11.340.866.205
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.792.285.940	2.835.216.551
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(217.002.575)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		18.708.303.537	8.505.649.654
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.725.536.691	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14.982.766.846	8.505.649.654
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.385	1.354

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu



Hoàng Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuế

Tổng Giám đốc




Lê Văn Lớ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.283.586.902	11.340.866.205
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.667.552.827	7.500.000.000
- Các khoản dự phòng	03		(774.503.844)	(35.260.058)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		317.782.881	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.423.807.557)	(2.362.791.793)
- Chi phí lãi vay	06		4.029.731.531	5.084.173.710
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.100.342.740	21.526.988.064
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.171.832.041)	12.288.136.921
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.362.688.870)	(12.295.919.260)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.030.849.708	32.203.295.528
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		632.779.242	(215.230.106)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.046.333.551)	(5.386.125.137)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.663.573.165)	(3.021.961.528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		218.827.858	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.432.350.752)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.693.978.831)	45.099.184.482
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.630.703.272)	(4.214.717.278)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		280.000.000	72.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.743.525.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.111.532.043	2.290.791.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.239.171.229)	(11.595.450.485)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		147.600.108.883	133.416.230.900
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(128.852.191.893)	(142.448.136.950)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.347.261.511)	(12.548.956.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.400.655.479	(21.580.862.050)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 03 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.532.494.581)	11.922.871.947
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		42.202.454.841	21.164.898.808
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	36.669.960.260	33.087.770.755

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu



Hoàng Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuế

Tổng Giám đốc



Lê Văn Lớ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY MẸ

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 ngày 08/05/2014 với Vốn điều lệ là: 62.826.020.000 VND (Sáu mươi hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Trụ sở: Số 10A, phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: DHT.

Các đơn vị hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty) bao gồm:

TT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 18 Trần Nhật Duật, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
3	Chi nhánh Dược phẩm số I	Số 10A, Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội
4	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Thôn Vân Trai, thị trấn Tây Tăng, huyện Ba Vì, Hà Nội
5	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 Phố Ga, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội
6	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
7	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hoà	Thôn Hoàng Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hoà, Hà Nội
8	Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 03 Nguyễn Thái Học, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội
9	Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Đường 84, Xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
10	Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Thôn Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội
11	Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Nội
12	Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội
13	Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	78 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội
14	Chi nhánh tại Thái Bình	Lô 8/18 khu phố 2, tổ 28, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
15	Các phân xưởng sản xuất	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
16	Kho thuốc Xuất nhập khẩu	101 phố Nguyễn Việt Xuân, Hà Đông, Hà Nội
17	Quầy thuốc số 37 Chương Mỹ	Xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội
18	Kho nguyên liệu, dược liệu, thành phẩm	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

CÔNG TY CON

Công ty có các công ty con đầu tư trực tiếp trong kỳ, bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở và nơi hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	Số 10, ngõ 4, phố Xóm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	50,63%	50,63%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, bán lẻ thuốc
2. Công ty TNHH Hataphar Miền Nam (*)	Số 38 A2, Nguyễn Giản Thanh, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	Bán buôn đồ dùng, dụng cụ y tế cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn, bán lẻ thực phẩm chức năng

(*) Công ty TNHH Hataphar Miền Nam chuyển thành Công ty liên kết từ tháng 5/2014.

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Công ty có các công ty liên kết tại thời điểm 30/06/2014 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở và nơi hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	Số 38 A2, Nguyễn Giản Thanh, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	48,28%	48,28%	Bán buôn đồ dùng, dụng cụ y tế cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn, bán lẻ thực phẩm chức năng.
2. Trường Trung cấp Kỹ thuật Y - Dược Hà Nội	Xã Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	49,00%	49,00%	Đào tạo ngành học do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
 - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý thuốc của doanh nghiệp);
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Kinh doanh vaccin, sinh phẩm y tế; Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (trừ loại hóa chất Nhà nước cấm); Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
 - Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Dạy nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Giáo dục nghề nghiệp);
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh siêu thị; Dịch vụ nhà ở, văn phòng);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
 - Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng);
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Thực phẩm chức năng; thực phẩm dinh dưỡng; thực phẩm bổ dưỡng).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃU SỐ B 09 - DN/HN

4.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty do công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất cho tới ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ, số dư nội bộ, và lãi/ lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà đơn vị có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4.4. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong kỳ hoạt động, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 30/06/2014 là 21.300 VND/USD, 31/12/2013 là 20.828 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn căn cứ vào giá thành kế hoạch.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/06/2014

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

4.8. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác... được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng thời hạn sử dụng từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước lãi vay của các hợp đồng vay ngắn hạn và nợ dài hạn được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế trong kỳ.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời thỏa mãn tất cả (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia, chiết khấu thanh toán được hưởng và lãi bán hàng chậm trả ... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Chiết khấu thanh toán và lãi bán hàng chậm trả được ghi nhận theo số tiền thực tế được hưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.
- Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thuyết minh số 4.4.

4.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho kỳ hoạt động là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong kỳ lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong kỳ lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong kỳ. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong kỳ hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong kỳ lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.17. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

4.17. Bên liên quan (tiếp theo)

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH Hataphar Miền Nam, Trường Trung cấp Kỹ thuật Y - Dược Hà Nội là công ty liên kết; các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33.

5. TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	9.321.351.663	11.976.101.029
Tiền gửi ngân hàng	27.348.608.597	30.226.353.812
Cộng	36.669.960.260	42.202.454.841

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	200.000.000	200.000.000
Viện Nghiên cứu Đầu tư và Tư vấn khoa học công nghệ	306.036.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	-	113.449.914
Các đối tượng khác	70.017.104	177.124.184
Phải thu khác tại các đơn vị trực thuộc	961.903.842	-
Cộng	1.537.956.946	490.574.098

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(315.726.920)	(249.004.821)
Trích lập dự phòng	(509.474.156)	(113.091.002)
Hoàn nhập dự phòng	-	46.368.903
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối kỳ	(825.201.076)	(315.726.920)

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	73.085.922.514	58.777.407.837
Công cụ, dụng cụ	585.646.009	578.427.710
Hàng hóa, thành phẩm	100.346.544.285	79.299.588.391
Cộng	174.018.112.808	138.655.423.938
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	174.018.112.808	138.655.423.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	79.810.457	107.583.358
Cộng	79.810.457	107.583.358

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	4.449.049.104	5.979.777.200
Cộng	4.449.049.104	5.979.777.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	80.885.496.965	100.857.627.962	9.577.085.097	7.569.849.128	198.890.059.152
Tăng trong kỳ	2.856.797.272	2.516.456.000	-	257.450.000	5.630.703.272
Mua trong kỳ	856.797.272	2.516.456.000	-	257.450.000	3.630.703.272
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
Giảm trong kỳ	-	3.482.153.623	11.523.810	64.960.800	3.558.638.233
Thanh lý, nhượng bán	-	3.142.464.788	-	40.660.800	3.183.125.588
Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	-	339.688.835	11.523.810	24.300.000	375.512.645
Tại ngày 30/06/2014	83.742.294.237	99.891.930.339	9.565.561.287	7.762.338.328	200.962.124.191
GIÁ TRỊ HAO HÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	48.100.720.239	80.917.478.295	5.403.648.475	5.572.792.795	139.994.639.804
Tăng trong kỳ	3.226.106.745	2.543.603.790	462.139.663	435.702.629	6.667.552.827
Khấu hao trong kỳ	3.226.106.745	2.543.603.790	462.139.663	435.702.629	6.667.552.827
Giảm trong kỳ	-	3.282.899.416	6.530.159	50.380.800	3.339.810.375
Thanh lý, nhượng bán	-	3.142.464.788	-	40.660.800	3.183.125.588
Giảm theo TT 45/2013/TT-BTC	-	140.434.628	6.530.159	9.720.000	156.684.787
Tại ngày 30/06/2014	51.326.826.984	80.178.182.669	5.859.257.979	5.958.114.624	143.322.382.256
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	32.784.776.726	19.940.149.667	4.173.436.622	1.997.056.333	58.895.419.348
Tại ngày 30/06/2014	32.415.467.253	19.713.747.670	3.706.303.308	1.804.223.704	57.639.741.935

Trong đó:

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 30/06/2014 là 96.543.127.528 VND (tại 31/12/2013: 97.854.038.209 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	Đơn vị tính: VND <u>Giá trị còn lại</u>
Tại ngày 01/01/2014	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Giảm khác (*)	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2014	-	-	-

(*) Theo Biên bản họp hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Hà Tây ngày 26/04/2007 và Quyết định số 142/QĐ-HĐQT ngày 20/05/2007 của Hội đồng quản trị về việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây theo đó Công ty góp vốn bằng nhà cửa vật kiến trúc trị giá 2 tỷ đồng tuy nhiên Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây hạch toán theo dõi tài sản cố định vô hình, kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây phân loại sang tài sản cố định hữu hình như trình bày ở mục thuyết minh số 11.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trường Trung cấp Kỹ thuật Y dược Hà Nội ⁽¹⁾	3.287.565.579	-
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam ⁽²⁾	486.120.666	-
Cộng	3.773.686.245	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30/06/2014 như sau:

<u>Tên Công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2014 VND</u>
Công ty liên kết			
Trường Trung cấp Kỹ thuật Y dược Hà Nội	49,00%	49,00%	3.287.565.579
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	48,28%	48,28%	486.120.666
Cộng			3.773.686.245

⁽¹⁾ Khoản đầu tư vào Trường Trung cấp Kỹ thuật Y – Dược Hà Nội được phân loại từ khoản đầu tư dài hạn khác.

⁽²⁾ Theo Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây ngày 18/03/2014 và Quyết định số 171/QĐ.HĐQT-DHT ngày 24/04/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây đồng ý cho Công ty TNHH Hataphar Miền Nam tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000 VND lên 1.450.000.000 VND. Số tăng vốn góp do thành viên khác góp vào tháng 5/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 12/05/2014, theo đó tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây giảm từ 70% xuống 48,28%. Do đó, từ thời điểm tháng 5/2014, Công ty TNHH Hataphar Miền Nam chuyển thành Công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	3.657.478.000	3.657.478.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	-	3.287.565.579
Cộng	3.657.478.000	6.945.043.579

(*) Đây là khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây vào Trường Trung cấp Kỹ thuật Y - Dược Hà Nội, trong đó Công ty góp 3.287.565.579 VND (tương đương 49% vốn điều lệ). Khoản đầu tư này được phân loại sang khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30/06/2014.

Chi tiết đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây tại ngày 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Số tiền (VND)	Số lượng	Số tiền (VND)
Cổ phiếu	101.000	3.657.478.000	101.000	3.657.478.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	101.000	3.657.478.000	101.000	3.657.478.000

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.326.566.069	3.559.299.084
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	678.623.770	285.425.455
Cộng	3.005.189.839	3.844.724.539

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	318.374.530	101.371.955
Cộng	318.374.530	101.371.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
Vay VND	81.448.745.820	102.094.746.600
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	35.027.834.457	41.140.598.989
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	2.849.716.084
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	21.708.212.554
Vay cá nhân ⁽²⁾	46.420.911.363	36.396.218.973
Vay USD	39.438.600.651	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽³⁾	39.438.600.651	-
Cộng	<u>120.887.346.471</u>	<u>102.094.746.600</u>

Chi tiết các hợp đồng vay còn số dư tại 30/06/2014:

⁽¹⁾Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014 - HĐTDHM/NHCT[320] - [HATAPHAR] ngày 15 tháng 06 năm 2014:

- Hạn mức cho vay: 65.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa, chi phí nhân công và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất thuốc, kinh doanh tân dược, hóa chất dược...;
- Lãi suất: Được ghi trên giấy nhận nợ, được điều chỉnh 1 tháng/lần;
- Thời hạn cho vay: đến ngày 15/06/2015;
- Điều kiện đảm bảo: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty Dược Phẩm Hà Tây tại ngân hàng, các khoản phải thu từ hợp đồng kinh tế mà bên B dùng làm phương án kinh doanh vay vốn tại ngân hàng.

⁽²⁾Gồm các hợp đồng vay với từng cá nhân:

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

Thời hạn vay: 03 tháng;

Lãi suất: 0,7%/tháng.

⁽³⁾Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 67/13/HM-DHT/VCBHT ngày 28/06/2013 và các phụ lục gia hạn: Phụ lục số 01 ngày 11/02/2014; Phụ lục số 02 ngày 03/04/2014; Phụ lục số 03 ngày 27/06/2014:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương.
- Mục đích vay: Mua nguyên vật liệu, thuốc thành phẩm, trả lương nhân công và các chi phí khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thời hạn vay: đến ngày 28/08/2014
- Lãi suất: Quy định cụ thể theo từng lần rút vốn theo công bố của Ngân hàng.
- Điều kiện đảm bảo: theo hình thức tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	349.252.069	465.133.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.024.281.995	4.895.569.220
Thuế thu nhập cá nhân	-	472.723
Các loại thuế khác	19.450.742	39.378.774
Cộng	3.392.984.806	5.400.554.589

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích trước chi phí lãi vay	281.870.654	298.472.674
Cộng	281.870.654	298.472.674

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	1.276.198.039	1.239.942.001
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.633.317.794	3.834.976.014
<i>Thu hộ tiền nhà cán bộ công nhân viên</i>	<i>2.103.531.963</i>	<i>1.856.496.963</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>1.529.785.831</i>	<i>1.978.479.051</i>
Cộng	4.909.515.833	5.074.918.015

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn cá nhân	1.527.900.000	1.254.800.000
Cộng	1.527.900.000	1.254.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Số 10A, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/06/2014

MÃ SỐ B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2013	62.826.020.000	29.335.312.000	20.603.424.946	(15.130.000)	-	89.249.865	4.961.609.536	14.716.328.679	132.516.815.026
Tăng vốn trong năm trước	-	-	401.413.237	-	56.838.401	-	2.587.108.269	26.761.310.815	29.806.670.722
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	26.761.310.815	26.761.310.815
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.587.108.269	-	2.587.108.269
Tăng khác	-	-	401.413.237	-	56.838.401	-	-	-	458.251.638
Giảm khác	-	-	-	-	56.838.401	-	-	-	56.838.401
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	56.838.401	-	-	18.092.600.355	20.127.911.899
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	14.716.328.679	14.716.328.679
Giảm khác	-	-	-	-	56.838.401	-	-	3.376.271.676	3.376.271.676
Tại ngày 31/12/2013	62.826.020.000	29.335.312.000	21.004.838.183	(15.130.000)	-	89.249.865	5.570.244.662	23.385.039.139	142.195.573.849
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	2.854.088.923	-	-	-	1.551.635.180	14.982.766.846	19.388.490.949
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	14.982.766.846	14.982.766.846
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	2.545.326.348	-	-	-	1.551.635.180	-	4.096.961.528
Tăng khác	-	-	308.762.575	-	-	-	-	-	308.762.575
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	308.762.575	20.526.806.161	20.835.568.736
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	8.179.544.650	8.179.544.650
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	12.347.261.511	12.347.261.511
Tại ngày 30/06/2014	62.826.020.000	29.335.312.000	23.858.927.106	(15.130.000)	-	89.249.865	6.813.117.267	17.840.999.824	140.748.496.062

(*) Theo Phương án phân phối lợi nhuận ngày 15/03/2014 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần lợi nhuận năm 2013 được phân phối vào Quỹ dự phòng tài chính số tiền 880.285.360 VND, tuy nhiên theo Điều lệ Công ty, Quỹ Dự phòng tài chính bằng 10% Vốn chủ sở hữu nên phân chênh lệch 308.762.575 VND Công ty hạch toán chuyển sang Vốn khác của chủ sở hữu cho phù hợp với Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2014		01/01/2014	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	2.114.860.000	2.114.860.000	2.114.860.000	2.114.860.000
Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tây	3.352.670.000	3.352.670.000	3.352.670.000	3.352.670.000
Lê Văn Lớ	2.321.720.000	2.321.720.000	2.321.720.000	2.321.720.000
Ngô Văn Chính	2.033.780.000	2.033.780.000	2.033.780.000	2.033.780.000
Nguyễn Văn Minh	1.133.200.000	1.133.200.000	1.133.200.000	1.133.200.000
Hoàng Trọng Nguyên	8.695.370.000	8.695.370.000	8.800.000.000	8.800.000.000
Hoàng Văn Tuế	2.288.990.000	2.288.990.000	2.288.990.000	2.288.990.000
Lê Việt Linh	5.117.000.000	5.117.000.000	5.117.000.000	5.117.000.000
Lê Xuân Thắng	4.456.150.000	4.456.150.000	4.456.150.000	4.456.150.000
Nguyễn Như Hoa	5.001.000.000	5.001.000.000	5.001.000.000	5.001.000.000
Nguyễn Thị Minh Hậu	3.050.000.000	3.050.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	23.261.280.000	23.261.280.000	23.206.650.000	23.206.650.000
Cộng	62.826.020.000	62.826.020.000	62.826.020.000	62.826.020.000

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

VỐN	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	62.826.020.000	62.826.020.000
Tăng trong kỳ	-	-
Phát hành thêm cổ phiếu	-	-
Tăng từ thặng dư vốn	-	-
Chuyển từ trái phiếu thành cổ phiếu	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	62.826.020.000	62.826.020.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

<u>CỔ PHIẾU</u>	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.282.602	6.282.602
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.282.602	6.282.602
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.282.602	6.282.602
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.513	1.513
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.513	1.513
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.281.089	6.281.089
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.281.089	6.281.089
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	<u>Vốn chủ sở hữu của công ty con tại 30/06/2014</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Lợi ích cổ đông thiểu số tại 30/06/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.200.000.000	49,37%	20.342.250.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.000.000.000	49,37%	493.700.000
Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	200.000.000	49,37%	98.740.000
Quỹ dự phòng tài chính	4.120.000.000	49,37%	2.034.044.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.557.370.585	49,37%	3.731.073.859
Cộng	54.077.370.585		26.699.807.859

24. DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	406.228.785.516	346.184.233.498
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	406.228.785.516	346.184.233.498
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.657.043.206	589.616.184
Chiết khấu thương mại	27.697.200	-
Giảm giá hàng bán	1.629.346.006	589.616.184
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	404.571.742.310	345.594.617.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	341.270.015.433	296.178.643.169
Cộng	341.270.015.433	296.178.643.169

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	155.993.955	2.092.249.221
Cổ tức, lợi nhuận được chia	955.538.088	-
Lãi bán hàng chậm trả	937.200.235	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	225.175.039	-
Cộng	2.273.907.317	2.092.249.221

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	4.029.731.531	5.084.173.710
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.285.309	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	317.782.881	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khi hợp nhất	(1.283.978.000)	-
Cộng	3.087.821.721	5.084.173.710

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	280.000.000	65.454.546
Thu tiền cho thuê nhà, đất	865.072.001	-
Thu nhập khác	110.868.991	-
Thu nhập khác	1.255.940.992	65.454.546
Các khoản khác	179.215	-
Chi phí khác	179.215	-
Lợi nhuận khác	1.255.761.777	65.454.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty mẹ	3.271.573.314
Công ty con	1.520.712.626
Cộng	4.792.285.940

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.113.932	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(241.116.507)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(217.002.575)	-

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.734.536.746
Chi phí nhân công	34.446.178.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.667.552.827
Chi phí dự phòng	509.474.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.897.751.157
Chi phí khác bằng tiền	7.060.859.439
Cộng	216.316.352.864

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	14.982.766.846	8.505.649.654
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	14.982.766.846	8.505.649.654
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	6.281.089	6.281.089
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	2.385	1.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

33. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Bán hàng		
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	1.573.027.349	-
Số dư với các bên liên quan	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	1.535.395.314	-
Các khoản vay		
Ông Lê Văn Lớ - Tổng Giám đốc	10.847.299.346	5.730.778.913
Ông Hoàng Văn Tuế - Kế toán trưởng	-	477.626.389
Ông Nguyễn Bá Lai - Phó Tổng Giám đốc	474.543.200	424.543.200
Ông Đặng Đình Dự - Kiểm soát viên	400.000.000	100.000.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát		Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương		1.468.051.000
Thưởng		649.674.200
Cộng		2.117.725.200

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ 30/06/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	36.669.960.260	42.202.454.841
Phải thu khách hàng	65.278.523.855	61.269.412.823
Các khoản phải thu khác	1.537.956.946	490.574.098
Cộng	103.486.441.061	103.962.441.762
	Giá trị ghi sổ 30/06/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Nợ tài chính		
Vay và nợ	122.415.246.471	103.349.546.600
Phải trả người bán	38.362.232.312	38.449.915.609
Các khoản phải trả khác	4.909.515.833	5.074.918.015
Cộng	165.686.994.616	146.874.380.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chưa đánh giá đầy đủ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất của các khoản vay ngắn hạn:

- + Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014 - HĐTDHM/NHCT[320] - [HATAPHAR] ngày 15 tháng 06 năm 2014, lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ, được điều chỉnh 1 tháng/lần.
- + Các khoản vay khác được cố định lãi suất tại thời điểm vay, do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 trở lên VND
Tại 30/06/2014		
Vay và nợ	120.887.346.471	1.527.900.000
Phải trả người bán	38.362.232.312	-
Các khoản phải trả khác	4.909.515.833	-
Cộng	164.159.094.616	1.527.900.000

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 trở lên VND
Tại 01/01/2014		
Vay và nợ	102.094.746.600	1.254.800.000
Phải trả người bán	38.449.915.609	-
Các khoản phải trả khác	5.074.918.015	-
Cộng	145.619.580.224	1.254.800.000

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Hoàng Thành

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuế

Tổng Giám đốc



Lê Văn Lớ